TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 4 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa chị G và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Hồng Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Ấ, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Nguyễn Tấn T có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An và được cấp Giấy đăng ký kết hôn số 21/2013 quyển số 01/2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/9/2013; Nguyễn Phi B, sinh ngày 10/8/2021; con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H hiện đang sống với anh T, còn Nguyễn Phi B hiện đang sống với chị G,

chị G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và anh T nuôi dưỡng cháu H; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn T*: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Cẩm G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn T. Anh Nguyễn Tấn T là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước. Bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm G.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Nguyễn Tấn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 21/2013 quyển số 01/2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị G trình bày do chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống mâu thuẫn về tài chính nên đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Tại phiên tòa chị G cương quyết xin ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án. Điều đó chứng minh rằng anh T không có thiện chí hàn gắn. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm G theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/9/2013; Nguyễn Phi B, sinh ngày 10/8/2021; con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H hiện đang sống với anh T, còn Nguyễn Phi B hiện đang sống với chị G, chị G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và anh T nuôi dưỡng cháu H; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu H hiện đang sống với anh T, đang có cuộc sống ổn định và anh T không có ý kiến gì đối với việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con. Cháu B hiện đang sống với chị H, đang có cuộc sống ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G giao cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phi B và giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H. Anh T, chị G được quyền thăm nom,

chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", chị G và anh T mỗi người nuôi dưỡng một người con chung, chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T không có ý kiến trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xét về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm G đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Cẩm G được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phi B, sinh ngày 10/8/2021; anh Nguyễn Tấn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 05/9/2013. Anh Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị Cẩm G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[2] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng theo biên lai thu số 0002944 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, chị G đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc